

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/DS-ST
Ngày: 11-10-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng
không gian trên mặt đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Hữu Cải;

Ông Trần Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Chung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng không gian trên mặt đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp Đ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp Đ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp Đ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp Đ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

3. Anh Trần Đức T1, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp T, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

4. Anh Trần Đức T2, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp Đ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ông T, ông H, bà N, anh T1 có mặt; bà T, anh T2 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày:

Gia đình ông có diện tích đất giáp với diện tích đất ông Trần Văn H và bà Trần Thị N, nguồn gốc diện tích đất là do ông sang nhượng lại của ông T3 vào năm 1987 và của bà Đ vào năm 1997; ông T3, bà Đ là vợ chồng nhưng do vợ chồng ông, bà có mâu thuẫn với nhau nên họ đã chia đất để vợ chồng ra sống riêng; ông T3 sống phần đất phía trong có tứ cận hướng Đông giáp đất bà T1, hướng Tây giáp đất bà Đ, hướng Bắc giáp đất ông H, hướng Nam giáp đất ông 6 D; bà Đ sống phần đất bên ngoài có tứ cận hướng Đông giáp đất ông T3, hướng Tây giáp đường đất (hiện nay là đường bê tông), hướng Bắc giáp đất ông H, hướng Nam giáp đất ông C; bên trong đất ông T3 thì có phần đất của ông L, bà T1 cũng do ông T3 sang nhượng lại. Diện tích đất gia đình ông sang nhượng của ông T3, bà Đ đã được UBND huyện Tân Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 29-4-2003 cho hộ gia đình ông với diện tích 2.397 m², thửa đất số 49, tờ bản đồ số 21.

Gia đình ông sử dụng ổn định đến khoảng tháng 10-2017 gia đình ông H có xây nhà mới và có làm nạnh cửa sổ lán sang phần không gian đất của gia đình ông từ ranh đất ông H qua đất ông khoảng 0,4 m, chiều dài khoảng 01 m. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông H tháo bỏ nạnh che cửa sổ đã lán qua không gian đất của gia đình ông và trả lại không gian trên mặt đất đã lán chiếm của gia đình ông.

Đối với chi phí đo đạc thì ông yêu cầu nếu bên nào sai thì phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản H giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn H có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Vợ chồng ông có diện tích đất giáp với gia đình ông Trần Văn H, nguồn gốc đất là do cha ông cho vợ chồng ông, khi cho chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khoảng năm 1997 vợ chồng ông mới đi đăng ký kê khai và được UBND huyện Tân Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 17-11-1997 tại thửa 1446, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.380 m² và xây hàng rào xung quanh đất cách nay khoảng hơn 20 năm. Theo địa chính xã TĐ thông báo thì hiện vợ chồng ông quản lý diện tích đất 3.274 m² là thiếu so với khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khoảng năm 2013, 2014 khi Công ty đo đạc do UBND huyện Tân Châu thuê đo lại toàn bộ diện tích đất trên địa bàn xã TĐ thì vợ chồng ông không có ở nhà cũng không biết ai chỉ ranh đất đo, theo ông nghĩ thời điểm này do gia đình ông đã rào hành rào trên toàn bộ diện tích đất giáp với đất ông T nên Công ty đo theo hàng rào mà tôi đã rào.

Lý do diện tích đất của ông qua đo đạc lại thiếu so với khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do trước khi gia đình ông xây hàng rào ông có chừa ra 0,5 m ngang kéo dài đến đất bà T1 đang sống ở phía sau đuôi giáp đất ông về hướng Nam, mục đích để cho bà Đoàn Thị T1 có đường đi. Trước khi ông T sang nhượng lại diện tích đất của bà Đ thì ông T và bà T1 điều đi ra đường đất (hiện nay là đường bê tông) bằng còn đường là đất của ông để lại cho hai người này đi nhờ; sau đó bà Đ sang nhượng diện tích đất của bà cho ông T nên ông T mới quản lý cho đến nay. Ông xác định ranh đất giữa gia đình ông với gia đình ông T (trước đó là đất của bà Đ) hiện nay còn cây trụ lức mà trước đó dùng làm trụ kéo dây điện, mặc dù hiện nay không sử dụng nữa nhưng vẫn còn, từ cây trụ này kéo dài xuống đến đất bà T1 là đường do gia đình ông để lại cho bà T1 đi (diện tích đất có hình tam giác)

Nay vợ chồng ông không đồng ý theo yêu cầu của ông T, vì không gian mà ông T yêu cầu là đất của gia đình ông, gia đình ông có xây nhà và làm nạnh cửa sổ nhưng không lấn qua đất ông T. Nếu nạnh che cửa sổ nhà vợ chồng ông lấn sang đất gia đình ông T diện tích bao nhiêu, thì vợ chồng ông đồng ý cắt bỏ phần diện tích phần lấn sang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị N có ý kiến như sau:

Bà với ông Trần Văn H là vợ chồng, bà thống nhất với lời trình bày của ông H, nay vợ chồng bà không đồng ý theo yêu cầu của ông T, vì không gian mà ông T yêu cầu là đất của gia đình bà, gia đình bà có xây nhà và làm nạnh cửa sổ nhưng không có lấn sang đất ông T, diện tích đất của vợ chồng bà nằm phía ngoài hàng rào (từ hàng rào kéo về phía đất ông T 0,5 m ngang) do gia đình bà xây cách nay khoảng hơn 20 năm. Nếu nạnh che cửa sổ nhà vợ chồng bà lấn sang đất ông T diện tích bao nhiêu, thì vợ chồng bà đồng ý cắt bỏ phần diện tích lấn sang.

- Bà Trần Thị T có ý kiến như sau:

Bà là vợ của ông Trần Văn T, vợ chồng bà có diện tích đất giáp với diện tích đất của ông Trần Văn H với bà Trần Thị N. Bà thống nhất với lời trình bày của ông T, không bổ sung gì thêm. Nay bà đồng ý với yêu cầu của ông T là yêu cầu ông H, bà N tháo bỏ nạnh che cửa sổ đã lấn qua không gian đất của gia đình và trả lại cho gia đình bà không gian trên diện tích đất bị lấn, không bổ sung gì thêm.

- Anh Trần Đức T1 có ý kiến như sau:

Anh là con ruột của ông Trần Đức T và bà Trần Thị T, diện tích đất mà ông T đang tranh chấp với ông H, bà N được Cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình nhà anh. Nay anh đồng ý với yêu cầu của ông T là yêu cầu ông H, bà N tháo bỏ nạnh che cửa sổ đã lấn qua không gian đất của gia đình và trả lại cho gia đình bà không gian trên diện tích đất bị lấn, không bổ sung gì thêm.

- Anh Trần Đức T2 có ý kiến như sau:

Anh là con ruột của ông Trần Đức T và bà Trần Thị T, diện tích đất mà ông T đang tranh chấp với ông H, bà N được Cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho hộ gia đình nhà anh. Nay anh đồng ý với yêu cầu của ông T là yêu cầu ông H, bà N tháo bỏ nạnh che cửa sổ đã lấn qua không gian đất của gia đình và trả lại cho gia đình bà không gian trên diện tích đất bị lấn, không bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bà Trần Thị T và anh Trần Đức T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà Thật, anh Trung là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của các đương sự và người làm chứng cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến vụ án tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T là không có căn cứ chấp nhận. Từ các cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 159, Điều 175, Điều 267 của Bộ luật Dân sự; Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T đối với ông Trần Văn H và bà Trần Thị N về việc tranh chấp quyền sử dụng không gian trên mặt đất diện tích 0,4 m.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Ông Trần Đức T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị T và anh Trần Đức T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, anh T2.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của ông Trần Đức T yêu cầu ông Trần Văn H và bà Trần Thị N trả lại diện tích không gian trên mặt đất là 0,4 m² (theo đo đạc thực tế), nhưng không được ông H, bà N chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho nguồn gốc đất và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đó diện tích đất 2.397 m², thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 21 được UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số vào sổ ..00609...QSDĐ/327/QĐ-UB (H), ngày ngày 29-4-2003 cho hộ ông Trần Đức T đứng tên đăng ký sử dụng; diện tích đất 3.380 m², thuộc thửa đất số 1446, tờ bản đồ số 6 được UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 058184, ngày 17-11-1997 do ông Trần Văn H và bà Trần Thị N đứng tên đăng ký sử dụng.

[3] Xét thấy, theo kết quả đo đạc ngày 02-8-2018 của Công ty TNHH một thành viên đo đạc bản đồ Bình An và được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Châu xác nhận ngày 16-8-2018, thể hiện: Diện tích đất 2.397 m², thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 21 giảm xuống còn diện tích 2.329,8 m², hiện thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 62; diện tích đất 3.380 m², thuộc thửa đất số 1446, tờ bản đồ số 6 giảm xuống còn diện tích 3.274,5 m², hiện thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62; như vậy cả diện tích đất gia đình ông T và diện tích đất của ông H, bà N đều giảm so với khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên qua kiểm tra việc đo đạc và ý kiến của các đương sự cùng thống nhất là diện tích đất của ông H, bà N đã xây hàng rào kiên cố cách nay trên 20 năm cho đến khi bà ông H, bà N xây nhà làm nạch cửa sổ (khoảng tháng 10 năm 2017) thì các bên mới xảy ra tranh chấp; cũng theo sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH một thành viên đo đạc bản đồ Bình An đo vẽ ngày 02-8-2018 thì ranh giới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T và ông H, bà N trùng với hàng rào mà ông H, bà N xây dựng và việc ông H, bà N xây nhà, làm nạch cửa sổ có lấn qua không gian trên mặt đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Đức T diện tích là 0,2 m².

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định ông H, bà N xây nhà và làm nạch cửa sổ có lấn qua không gian trên mặt đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Đức T diện tích là 0,2 m² (nạch cửa sổ khung sắt, lợp tôn; có hướng Đông và hướng Tây nằm trên diện tích đất cấp cho hộ ông Trần Đức T qua đo đạc có diện tích 2.329,8 m², hiện thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 62 có chiều dài 0,14 m; hướng Bắc giáp với phần còn lại của nạch của sổ nằm trên diện tích đất cấp cho ông Trần Văn H, bà Trần Thị N qua đo đạc có diện tích 3.274,5 m², hiện thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 có chiều dài 1,5 m; hướng Nam giáp với phần còn lại của nạch của sổ nằm trên diện tích đất cấp cho hộ ông Trần Đức T qua đo đạc có diện tích 2.329,8 m², hiện thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 62 có chiều dài 1,5 m) là đúng nên việc ông Trần Đức T yêu cầu ông Trần Văn H, bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ tháo gỡ nạch cửa sổ lấn qua không gian trên bề mặt đất của gia đình nhà ông có diện tích 0,4 m² là không có cơ sở chấp nhận toàn bộ mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Đức T và buộc ông Trần Văn H, bà Trần Thị N có nghĩa vụ tháo gỡ phần diện tích nạch cửa sổ lấn qua không gian trên bề mặt đất của gia đình nhà ông Trần Đức T diện tích 0,2 m² là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét lời trình bày của ông Trần Văn H, bà Trần Thị N và người làm chứng là bà Đoàn Thị T1 cho rằng diện tích đất của ông H, bà N nằm ngoài hàng rào kéo qua đất ông T ngang 0,5 m là không có cơ sở, bởi lẽ diện tích đất ông H, bà N đã được xây hàng rào kiên cố hơn 20 năm, nếu thực sự đất ông H, bà N có nằm ngoài hàng rào 0,5 m như ông, bà và bà T1 trình bày nhưng theo hiện trạng đất hiện nay thể hiện ông H, bà N đã xây hàng rào kiên cố, điều này cho thấy ông, bà

đã xác định ranh đất theo hàng rào đã xây cho đến khi tranh chấp trên 20 năm, do đó cần tôn trọng ranh giới này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo lời trình bày của ông H, bà N là đúng quy định tại Điều 170 của Luật Đất đai và Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T đối với ông Trần Văn H và bà Trần Thị N về việc tranh chấp quyền sử dụng không gian trên mặt đất; buộc ông Trần Văn H và bà Trần Thị N tháo dỡ một phần diện tích nạnh mái che cửa sổ lán qua không gian trên mặt đất của ông Trần Đức T diện tích 0,2 m² thuộc diện tích 2.329,8 m², thửa đất số 252, tờ bản đồ số 62 được UBND huyện Tân Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Đức T đứng tên đăng ký, sử dụng. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Đức T đối với ông Trần Văn H và bà Trần Thị N về việc tranh chấp quyền sử dụng không gian trên mặt đất diện tích 0,2 m² thuộc diện tích 3.274,5 m², thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 được UBND huyện Tân Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn H, bà Trần Thị N đứng tên đăng ký, sử dụng (kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất đo vẽ ngày 02-8-2018, được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 16-8-2018).

[5] Về chi phí tố tụng: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T nên ông T và ông H, bà N phải chịu một $\frac{1}{2}$ chi phí do đặc theo quy định của pháp luật. Ghi nhận ông T đã thanh toán xong toàn bộ chi phí do đặc theo hợp đồng dịch vụ đo đạc ký ngày 28-6-2018 là 5.500.000 đồng. Do đó ông Trần Văn H, bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả lại cho ông T $\frac{1}{2}$ số tiền do đặc là 2.750.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về tranh chấp quyền sử dụng không gian trên mặt đất và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T nên ông H, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 159, Điều 175, Điều 176, Điều 267 của Bộ luật Dân sự; Điều 4, Điều 100, Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T đối với ông Trần Văn H và bà Trần Thị N về việc tranh chấp quyền sử dụng không gian trên mặt đất. Buộc ông Trần Văn H và bà Trần Thị N tháo dỡ một phần diện tích nạnh mái che cửa sổ (khung sắt, lợp tôn) lán qua không gian trên mặt đất của ông Trần Đức T có diện tích 0,2 m² thuộc diện tích 2.329,8 m², thửa đất số 252, tờ bản đồ số 62 (có hướng Đông và hướng Tây nằm trên diện tích đất cấp cho hộ ông Trần Đức T diện tích 2.329,8 m², hiện thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 62 có chiều dài 0,14 m; hướng Bắc giáp với phần còn lại của nạnh của sổ nằm trên diện tích đất cấp cho ông Trần Văn H, bà Trần Thị N diện tích 3.274,5 m², hiện thuộc thửa đất

số 248, tờ bản đồ số 62 có chiều dài 1,5 m; hướng Nam giáp với phần còn lại của nạnh của sổ nằm trên diện tích đất cấp cho hộ ông Trần Đức T diện tích 2.329,8 m², hiện thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 62 có chiều dài 1,5 m; kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất đo vẽ ngày 02-8-2018, được Phòng Tài nguyên và môi trường xác nhận ngày 16-8-2018).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T đối với ông Trần Văn H và bà Trần Thị N về việc tranh chấp quyền bề mặt không gian trên mặt đất diện tích 0,2 m² (phần còn lại của nạnh che của sổ) thuộc diện tích 3.274,5 m², thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 (kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất đo vẽ ngày 02-8-2018, được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 16-8-2018).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Đức T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 150.000 đồng tại biên lai thu số 0025344 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; ông T còn phải nộp thêm 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn H và bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Đức T phải chịu 2.750.000 (hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng chi phí đo đạc. Ghi nhận ông T đã thanh toán xong theo hợp đồng dịch vụ đo đạc ký ngày 28-6-2018 số tiền 5.500.000 đồng. Do đó ông Trần Văn H, bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả lại cho ông T ½ số tiền đo đạc là 2.750.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đức T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị N, anh Trần Đức T1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị T, anh Trần Đức T2 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC. THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc